TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/DS-PT
Ngày 14 - 5 - 2025
V/v "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn San và ông Nguyễn Quốc Trưởng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 8 năm 2024 về việc *"Tranh chấp ranh* giới quyền sử dụng *đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng (nay là thị xã K), tỉnh Hà Nam bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2024; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên toà số 06/TB-TA ngày 19 tháng 9 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên toà phúc thẩm số 02/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 9 năm 2024; Quyết định tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 01/2024/QĐPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự phúc thẩm số 02/2025/QĐPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2025 và Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên toà số 02/2025/ TB-TA ngày 25 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1987 và chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; người đại diện theo uỷ quyền của chị Nguyễn Thị T: Anh Trần Văn L; cùng địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt anh L, vắng mặt chị T.

- Bị đơn: Anh Đinh Văn T1, sinh năm 1988 và chị Trịnh Thị H, sinh năm 1991; cùng địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lương Thành Đ và bà Nguyễn Thanh H1 đều là Luật sư của Công ty L2, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; có mặt bà H1, vắng mặt ông Đ.

- Người kháng cáo: Anh Đinh Văn T1 và chị Trịnh Thị H đều là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như diễn biến tại phiên toà sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguồn gốc thửa đất số 150, tờ bản đồ PL1, diện tích đất 160m^2 tại thôn A L, xã Đ, huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hà Nam của vợ chồng anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị T mua từ năm 2015 của ông Nguyễn Văn B với số tiền 250.000.000 đồng, trên đất không có tài sản bán bằng giấy tờ nhưng không đến thực địa đo đạc để giao đất cho nhau. Khi nhận chuyển quyền sử dụng đất của ông B, vợ chồng anh L có làm thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật. Đến ngày 10/9/2015, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 429378 ngày 10/9/2015 đứng tên anh Trần Văn L. Tứ cận thửa đất hướng Bắc giáp đường thôn có chiều dài 8,01m, hướng Nam giáp mương có chiều dài 8,01m, hướng Đông giáp với thửa đất nhà ông V có chiều dài 19,99m; hướng Tây giáp với thửa đất số 149 nhà anh T1, chị H có chiều dài 19,99m. Hiện nay đất vẫn đang để trống không có tài sản trên đất; hàng năm gia đình anh L vẫn nộp thuế đất đầy đủ. Khoảng tháng 11 năm 2022, gia đình ông L1 và bà T2 chủ sử dụng thửa đất số 153 có ý định xây nhà kiên cố nên đã mời địa chính xã Đ đến đo đạc và phát hiện các thửa đất của các hộ liền kề đều lệch mốc giới. Trong đó, gia đình anh L bị gia đình nhà anh T1 xây lệch sang vị trí thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có các cạnh: Hướng Bắc giáp đường thôn dài 1,9m; hướng Nam giáp đường mương dài 1,23m; hướng Đông giáp nhà ông V dài 19,99m; hướng Tây giáp nhà anh T1 dài 19,99m. Tổng diện tích đất gia đình anh T1 xây sang thửa đất nhà anh L là 30m^2. Trên phần đất gia đình anh T1 xây lấn sang thửa đất của gia đình anh L có các tài sản gồm tường xây gạch xỉ dài 19,99m; cao khoảng 04m, trên lợp mái tôn là nhà xưởng của anh T1. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh L chỉ mình anh L có quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh L không bị cầm cố, thế chấp và vẫn đang do anh L quản lý, gia đình anh L không có khiếu nại, thắc mắc về việc đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh L. Việc tranh chấp xảy ra đã được Ủy ban nhân dân xã Đ hoà giải nhưng không thành. Nay quan điểm của nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc gia đình anh T1 dỡ bỏ phần tường gạch xỉ và lán mái tôn đã lấn chiếm sang phần đất nhà anh L để trả lại gia đình anh L diện tích đất 33m^2.

Đối với nguồn gốc thửa đất số 149, tờ bản đồ PL1, diện tích 160m^2 tại thôn A L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam đứng tên anh Đinh Văn T1, chị Trịnh Thị H là của anh chị mua khoảng tháng 10 năm 2013 của anh Đinh Văn T3. Khi mua đất không có tài sản trên đất và chỉ làm thủ tục mua bán, không đo đạc giao đất trên thực địa. Sau khi nhận chuyển nhượng xong đến ngày 18 tháng 11 năm 2013 thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất đứng tên anh Đinh Văn T1 số BO 468953 diện tích 160m^2. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tứ cận của thửa đất có các cạnh phía Bắc giáp đường thôn dài 8m, phía Đông giáp thửa đất nhà anh L dài 19,99m; phía Nam giáp đường xóm dài 8,01m; phía Tây thửa đất nhà ông H1 dài 19,98m. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình anh T1 đã xây nhà ở lợp tôn rộng khoảng 30m^2 và còn lại làm lán xưởng hết đất. Khi gia đình anh T1 xây dựng lán xưởng và làm nhà ở lợp mái tôn có mời địa chính xã Đ đến đo xác định mốc giới. Hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không bị cầm cố thế chấp và anh T1, chị H không có khiếu nại, thắc mắc về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay anh L khởi kiện yêu cầu gia đình anh T1 dỡ bỏ phần tường gạch xỉ và lán mái tôn đã lấn chiếm để trả lại gia đình anh L diện tích đất 33m^2; gia đình anh T1, chị H không nhất trí.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải dỡ bỏ phần tường gạch xỉ và lán mái tôn để trả lại diện tích đất có các cạnh hướng Bắc giáp đường thôn có cạnh dài 1,9m; hướng Nam giáp đường mương dài 1,23m; hướng Đông giáp nhà ông V dài 19,99m; hướng Tây giáp nhà anh T1 dài 19,99m. Tổng diện tích đất gia đình anh T1 xây sang thửa đất nhà L là 30m^2.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng (nay là thị xã K), tỉnh Hà Nam đã căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 175; Điều 176; Điều 275 của Bộ luật Dân sự. Điều 170; Điều 203 của Luật Đất đai. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị T.

Buộc anh Đinh Văn T1 và chị Trịnh Thị H phải tháo dỡ phần tường xây gạch xỉ dài 20,03m và phần mái tôn phía Đ1 để trả lại cho anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị T diện tích đất 33m^2 trong thửa số 150, tờ bản đồ PL1 diện tích 160m^2 tại thôn A L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Cụ thể: Số đo từ góc tường nhà xưởng anh T1 phía Bắc giáp đường dịch vuông góc sang tường bao gạch xỉ là 1,92m. Từ góc nhà xưởng anh T1 phía Nam giáp đường dịch vuông góc sang tường gạch xỉ của anh T1 1,33m. Chiều dài cạnh phía Đông từ mép tường bao gạch xỉ của anh T1 kéo theo hướng từ Bắc đến Nam giáp thửa đất nhà anh L có chiều dài 20,03m, chiều dài cạnh phía Tây từ mép tường gạch xỉ nhà xưởng của anh T1 kéo theo hướng từ Bắc đến Nam giáp thửa đất nhà anh L có chiều dài 20,02m (Vị trí, kích thước các cạnh phần đất nêu trên được xác định theo bản vẽ của Chi nhánh Văn phòng đất đai huyện K kèm theo).

Bác yêu cầu khác của đương sự.

Về chi phí tố tụng: Anh Đinh Văn T1 và chị Trịnh Thị H phải chịu 4.300.000 đồng chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định, định giá tài sản để nộp trả cho anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị T.

Về án phí dân sự: Anh Đinh Văn T1 và chị Trịnh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.480.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch. Hoàn trả cho anh Trần Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.250.000 đồng theo Biên lai thu số 0000064 ngày 22/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, anh Đinh Văn T1 và chị Trịnh Thị H đều kháng cáo và xác định không lấn chiếm sang phần đất nhà anh Trần Văn L theo bản đồ Ủy ban nhân dân xã Đ đo thực địa ngày 01/12/2022. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị đơn đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và có quan điểm xin thoả thuận theo hướng nhận lại diện tích 33m^2 đất và trả nguyên đơn số tiền 642.000.000 đồng. Phía nguyên đơn không nhất trí thoả thuận nhận tiền mà đòi lại diện tích 33m^2 đất.

Quan điểm tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bổ sung người làm chứng là người trực tiếp bán đất cho anh L và anh T1; đồng thời, đề nghị thu thập tài liệu chứng cứ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Trần Văn L và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, huỷ bản án để xét xử lại. Các bị đơn đều nhất trí với quan điểm của Luật sư và không bổ sung ý kiến tranh luận.

Quan điểm nguyên đơn không nhất trí với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa xác định: Quá trình thụ lý, giải quyết xét xử Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 05/7/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam và buộc anh Đinh Văn T1 và chị Trịnh Thị H phải chịu chi phí thẩm định lại tài sản và án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ án dân sự tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận, anh Trần Văn L được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 429378 ngày 10/9/2015 đứng tên anh Trần Văn L tại thôn A L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam với diện tích 160m^2 đất ONT. Anh Đinh Văn T1 được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 468953 ngày 18/11/2013 với diện tích 160m^2 đất ONT tại thôn A L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Đến thời điểm khởi kiện, các bên đương sự không có thắc mắc, khiếu nại về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Xét kháng cáo của các bị đơn xác định không lấn chiếm sang phần đất nhà anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử thấy: Hai bên phát sinh tranh chấp từ khoảng tháng 11 năm 2022, gia đình ông T2, bà L1 là chủ sử dụng thửa đất số 153 có ý định xây nhà kiên cố nên đã mời địa chính xã Đ đến đo đạc thì phát hiện các thửa đất của các hộ liền kề đều xây lệch mốc giới của nhau. Trong đó thửa đất số 150 của anh L cũng bị công trình trên thửa đất số 149 của anh T1 xây lệch sang vị trí so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có các cạnh hướng Bắc giáp đường thôn dài 1,92m; hướng Nam giáp đường dài 1,33m; hướng Đông giáp thửa đất số 150 của anh L dài 20,03m; hướng Tây giáp nhà anh T1 dài 20,02m. Tổng diện tích đất công trình trên đất của anh T1 xây sang thửa đất nhà anh L là 33m^2. Trên phần đất gia đình anh T1 xây lấn sang thửa đất của gia đình anh L có các tài sản gồm tường xây gạch xỉ dài 20,03m; cao 2,1m, trên lợp mái tôn là nhà xưởng của anh T1.

Căn cứ kết quả đo đạc hiện trạng tại cấp sơ thẩm đối với thửa đất số 150, tờ PL1, đứng tên anh Trần Văn L có diện tích 127m^2. Kích thước số đo các cạnh gồm: Phía Bắc giáp đường thôn dài 6,09m; phía Đông giáp đất hộ ông V, bà L1 dài 19,99m; phía Bắc đường dài 6,68m; phía Tây giáp thửa đất số 149 đứng tên anh Trần Văn T4 là tường gạch xỉ, lán mái tôn có chiều dài 20,03m. Thửa đất số 149, tờ PL1, có diện tích sử dụng theo hiện trạng là 197m^2 tên người sử dụng đất anh Đinh Văn T1. Kích thước số đo các cạnh gồm: Phía Bắc giáp đường thôn dài 8,25m; phía Đông giáp thửa đất số 150 của anh Trần Văn L dài 20,03m+4,35m; phía Tây giáp đất nhà ông H1 dài 20,02m + 4,17m; phía Bắc giáp đường dài 6,75m+1,33m. Trên đất hộ anh T1, chị H đã xây lán mái tôn, nhà cấp bốn mái tôn gạch xỉ, bể nước, khu phụ, tường bao gạch xỉ năm 2013. Hội đồng định giá đã tiến hành định giá tài sản, các tài sản trên đất đã hết giá trị khấu hao; diện tích đất đang tranh chấp trị giá 14.000.000đồng/m^2 x 33m^2 = 462.000.000 đồng.

Như vậy, về ranh giới đất theo hồ sơ địa chính đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Trần Văn L và anh Đinh Văn T1 so với ranh giới hiện trạng đang sử dụng giáp ranh giữa hộ anh L, chị T và hộ anh T1, chị H có sự chồng lấn diện tích hộ anh T1, chị H đã xây dựng công trình trên đất lấn sang đất của anh L 33m^2. Cụ thể có số đo từ góc tường nhà xưởng anh T1 phía Bắc giáp đường dịch vuông góc sang tường bao gạch xỉ dài 1,92m. Từ góc nhà

xưởng anh T1 phía Nam giáp đường dịch vuông góc sang tường gạch xỉ của anh T1 dài 1,33m. Chiều dài cạnh phía Đông từ mép tường bao gạch xỉ của anh T1 kéo theo hướng từ Bắc đến Nam giáp thửa đất nhà anh L có chiều dài 20,03m, chiều dài cạnh phía Tây từ mép tường gạch xỉ nhà xưởng của anh T1 kéo theo hướng từ Bắc đến Nam giáp thửa đất nhà anh L có chiều dài 20,02m, diện tích là 33m^2.

Việc Luật sư đề nghị bổ sung người trực tiếp bán đất cho anh L, anh T1 tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng để làm rõ nội dung vụ án là không cần thiết; vì thực tế trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cập nhật toạ độ theo đúng quy định và có trước thời điểm anh T1, chị H xây nhà xưởng. Đối với đề nghị bác đơn khởi kiện của nguyên đơn và huỷ bản án sơ thẩm để xét xử lại của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với kết quả đo đạc hiện trạng tại cấp phúc thẩm có sự chênh lệch so với cấp sơ thẩm là 01m^2 (từ 33m^2 còn 32m^2) do các đương sự chỉ mốc giới hiện trạng giữa hai lần đo đạc có khác nhau, dẫn đến có sai lệnh. Việc sai lệch 01m^2 không làm thay đổi bản chất của vụ án. Vì vậy, cấp phúc thẩm lấy mốc theo bản án sơ thẩm để xác định là phù hợp pháp luật.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị đơn.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của anh Đinh Văn T1 và chị Trịnh Thị H không được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu chung án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Đối với các chi phí thẩm định, đo đạc tại cấp phúc thẩm, tại phiên toà anh Đinh Văn T1, chị Trịnh Thị H tự nguyện chịu và đã được thanh toán xong ngày 24/4/2025.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đinh Văn T1 và chị Trịnh Thị H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Kim Bảng (nay là thị xã K), tỉnh Hà Nam.

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 175; Điều 176; Điều 275 của Bộ luật Dân sự. Điều 170; Điều 203 của Luật Đất đai. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị T.

Buộc anh Đinh Văn T1 và chị Trịnh Thị H phải tháo dỡ phần tường xây gạch xỉ dài 20,03m và phần mái tôn phía Đ1 để trả lại cho anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị T diện tích đất 33m^2 trong thửa số 150, tờ bản đồ PL1 diện tích 160m^2 tại thôn A L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Cụ thể: Số đo từ góc tường nhà xưởng anh T1 phía Bắc giáp đường dịch vuông góc sang tường bao gạch xỉ là 1,92m. Từ góc nhà xưởng anh T1 phía Nam giáp đường dịch vuông góc sang tường gạch xỉ của anh T1 1,33m. Chiều dài cạnh phía Đông từ mép tường bao gạch xỉ của anh T1 kéo theo hướng từ Bắc đến Nam giáp thửa đất nhà anh L có chiều dài 20,03m, chiều dài cạnh phía Tây từ mép tường gạch xỉ nhà xưởng của anh T1 kéo theo hướng từ Bắc đến Nam giáp thửa đất nhà anh L có chiều dài 20,02m (Vị trí, kích thước các cạnh phần đất nêu trên được xác định theo bản vẽ của Chi nhánh Văn phòng đất đai huyện K kèm theo).

Bác yêu cầu khác của đương sự.

Về chi phí tố tụng: Anh Đinh Văn T1 và chị Trịnh Thị H phải chịu chung số tiền 4.300.000 đồng (cụ thể: Anh T1 phải chịu 2.150.000 đồng, chị H phải chịu 2.150.000 đồng) chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định, định giá tài sản để nộp trả cho anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị T. Ngoài ra, anh Đinh Văn T1 và chị Trịnh Thị H phải chịu thêm số tiền 5.000.000 đồng chi phí thẩm định tại cấp phúc thẩm (anh Đinh Văn T1 đã nộp đủ tại Toà án và thanh toán xong).

Về án phí dân sự: Anh Đinh Văn T1 và chị Trịnh Thị H phải chịu chung số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh Đinh Văn T1 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 000166 ngày 24/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng (nay là thị xã K), tỉnh Hà Nam khi thi hành án. Hoàn trả cho anh Trần Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.250.000 đồng theo Biên lai thu số 0000064 ngày 22/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng (nay là thị xã K), tỉnh Hà Nam.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thanh toán khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Phòng TTNV&THA Tòa án tỉnh Hà Nam;
- TAND thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam;
- VKSND thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam;
- Chi cục THADS thị xã Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Bộ phận HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Đức Thủy